

Số: TVHN-218/AGIA

An Giang, ngày 06 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/8/2025 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-80cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất ngày 05/8 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 từ 15-35cm, cao hơn TBNN từ 5-20cm. Mực nước thấp nhất ngày 05/8 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-40cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/8 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-25cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn biến đổi theo xu thế triều biển Tây. Mực nước cao nhất ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN khoảng 20cm, mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN khoảng từ 05-20cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau lên chậm lại.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước lên nhanh theo xu thế triều biển Đông.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé tiếp tục lên theo triều biển Tây đến ngày 09/8, sau đó xuống chậm.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 07/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 05/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			06/8	07/8	08/8	09/8	10/8	06/8	07/8	08/8	09/8	10/8
		BDI	BDII	BDIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	232	72	9	256	30	1	262	270	275	278	279	231	235	242	250	256
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	133	41	25	191	-9	18	207	215	221	224	227	128	127	133	141	149
Hậu	Khánh An	420	470	520	374	61	80	377	53	69	380	386	391	394	397	375	378	383	388	391
	Châu Đốc	300	350	400	172	28	4	210	-17	3	221	229	234	237	242	171	175	182	190	196
	Long Xuyên	190	220	250	87	27	33	162	-36	7	179	191	197	203	205	79	77	83	91	99
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	141	39	15	191	-15	6	208	216	222	225	228	137	137	143	151	159
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	114	4	4	116	3	-22	118	120	123	126	128	116	118	120	123	126
	Vĩnh Gia	200	240	280	46	-21	-13	53	-22	-13	50	49	51	53	55	43	42	44	47	49
	Vĩnh Điều	170	200	230	43	-18	-17	53	-18	-22	50	49	51	53	55	40	39	41	43	45
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	40	-22	-21	50	-21	-20	47	46	48	50	52	37	36	38	40	42
T5	Nông Trường	160	190	220	50	-17	-15	57	-19	-16	54	52	54	56	58	47	46	48	50	52
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	92	3	-5	96	-6	-7	93	92	92	94	96	89	87	87	89	91
	Cô Tô	140	180	220	90	-5	15	95	-7	17	92	91	91	93	95	87	85	85	87	89
	Nam Thái Sơn	90	120	150	54	-10	-	64	-10	-	61	60	60	62	64	51	49	49	51	53
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	50	-16	-14	55	-16	-15	52	51	53	55	57	47	46	48	50	52
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	99	-2	16	107	-8	18	104	103	104	106	109	96	94	94	96	98
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	136	11	18	156	-2	24	153	152	153	155	158	133	131	131	133	135
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	70	-18	-22	88	-24	-12	85	84	85	87	90	67	65	65	67	69
	Tân Thành	120	150	180	67	-8	-3	78	-11	-3	75	73	73	75	77	64	62	62	64	66
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	50	-10	-1	61	-11	-1	58	56	56	58	60	47	45	45	47	49
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-8	10	4	36	-8	-9	37	40	42	44	46	-9	-10	-11	-12	-13
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-16	18	6	49	-22	1	53	58	66	72	68	-20	-26	-34	-40	-37

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





